

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thiện Lộc;
2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đặng Thị U, sinh năm 1995; thường trú: xóm C, xã Đ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: khu dân cư P, khu phố O, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: ông Thái Bá T, sinh năm 1991; thường trú: xóm C, xã Đ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: khu dân cư P, đường số 1, khu phố O, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-05-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị U trình bày:

Bà Đặng Thị U và ông Thái Bá T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào ngày 04-3-2016. Sau khi kết hôn, bà U và ông

T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn, bà U và ông T có thời gian tìm hiểu ngắn nên khi về sống chung tính cách vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bà U và ông T đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: bà U và ông T có 02 con chung tên Thái Đức D, sinh ngày 15-12-2016 và Thái Đức K, sinh ngày 19-01-2020. Khi ly hôn bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà U thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung, bà U yêu cầu được nuôi con chung tên Thái Đức K, sinh ngày 19-01-2020, giao con chung tên Thái Đức D, sinh ngày 15-12-2016 cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thái Bá T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của bà U về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do bà U có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông T và bà U đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn nên trước yêu cầu khởi kiện của bà U, ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T thống nhất với bà U về con chung. Hiện cháu Thái Đức D, sinh ngày 15-12-2016 đang sống với ông T, cháu Thái Đức K, sinh ngày 19-01-2020 đang sống với bà U nên ông T đồng ý nuôi cháu D, đồng ý giao cháu K cho bà U chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Đặng Thị U có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Đặng Thị U.

[2] Bà Đặng Thị *U* và ông Thái Bá T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào ngày 04-3-2016, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị *U*, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà *U* thì trong thời gian chung sống giữa bà *U* và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách bà *U* và ông T không hợp nhau. Bị đơn ông T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà *U* trình bày, ngoài ra còn do bà *U* có mối quan hệ với người đàn ông khác. Tuy lời khai của bà *U* và ông T còn chưa thống nhất về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông T xác định không còn tình cảm với bà *U* và đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà *U* và ông T là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà *U* yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà *U* và ông T có 02 người con chung tên Thái Đức D, sinh ngày 15-12-2016 và Thái Đức K, sinh ngày 19-01-2020. Hiện cháu D đang sống với ông T, cháu K đang sống với bà *U* nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Thái Đức D cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Thái Đức K cho bà *U* chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị *Út* như sau:
 - Về hôn nhân: bà Đặng Thị *U* được ly hôn với ông Thái Bá T.
 - Về con chung: Giao con chung tên Thái Đức D, sinh ngày 15-12-2016 cho ông Thái Bá T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung tên Thái Đức K, sinh

ngày 19-01-2020 cho bà Đặng Thị U chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị U và ông Thái Bá T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Đặng Thị U phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052484 ngày 28-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp

